

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**  
**“FMC”**

\*\*\*

THÁNG 03 NĂM 2020

## MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2 - 10
II. Tình hình hoạt động trong năm	11 - 26
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	26 - 30
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	30 - 32
V. Quản trị công ty	32 - 42
VI. Báo cáo tài chính	43



## **I. THÔNG TIN CHUNG:**

### **1. Thông tin khái quát:**

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước tên gọi Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 1996 với vốn ban đầu 21 tỷ đồng từ ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng đầu tư, chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Nay công ty đang hoạt động theo địa chỉ sau:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Tên tiếng Anh : **SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **FIMEX VN**
- Biểu tượng công ty:



- Vốn điều lệ: **490.440.000.000 đồng**  
*(Bốn trăm chín mươi tỉ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)*
- Mã chứng khoán: **FMC**
- Trụ sở chính : **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.**
- Điện thoại : **(0299)3822223 – 3822201; Fax:(0299)3822122 – 3825665**
- Website: **[www.fimexvn.com](http://www.fimexvn.com); Email: [info@fimexvn.com](mailto:info@fimexvn.com)**
- Giấy CNĐKKD: Số 2200208753(Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06/11/2019 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp).

### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

✓ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

❖ Năm 2002

Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ Năm 2003

Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với Vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. Ngày 22 tháng 11 năm 2003 công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60%.

❖ Năm 2005

Ngày 09 tháng 08 năm 2005 công ty làm đầu giá 11% vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%.

❖ Năm 2006

22/06/2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) công ty tiếp tục đầu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước. Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu, trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20%.

❖ Năm 2007

Công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2008

Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2009

Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng



tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.

❖ Năm 2013

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần Hùng Vương, nâng vốn điều lệ công ty lên 130 tỉ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2014

Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ công ty từ 130 tỷ lên thành 200 tỷ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

❖ Năm 2015

Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.

❖ Năm 2016

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ đồng. Việc phát hành này hoàn thành trong tháng 04/2016. 10 triệu cổ phiếu mới phát hành xong được niêm yết và lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.

❖ Năm 2017

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn Điều lệ từ 300 tỷ lên 390 tỷ đồng.

❖ Năm 2018

Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn Điều lệ từ 390 tỷ lên 402 tỷ đồng.

❖ Năm 2019

Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ\_ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 402 tỉ lên 490,44 tỉ đồng bằng việc hoàn thành đợt phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

✓ Tình hình hoạt động:

- Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.
- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty nằm trong top dẫn đầu, 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua, nhiều năm liền công ty đạt danh nghiệp uy tín xuất khẩu.
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng.
- Năm 2019, Công ty đầu tư mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất kế bên khu nuôi tôm TaNa Farm tại xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Khu nuôi mới này có diện tích hơn 81 hecta. Công trình này dự kiến hoàn thành và bắt đầu thả nuôi vào quý 2/2020. Đồng thời đó, Công ty cũng đầu tư kho lạnh 6.000 tấn tại Khu Công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng và công trình này dự kiến cũng đưa vào hoạt động trong quý 2 năm 2020.

Với thành tích hơn 20 năm hoạt động hiệu quả cao, công ty đã được Chính phủ 9 lần tặng thưởng cờ thi đua, danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng I, II, III.

✓ Các sự kiện khác:

Trong năm 2011, công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên không có giao dịch. Đến năm 2014, công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ.

Năm 2017, công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy này đã chính thức đưa vào hoạt động.

Năm 2019, nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn, Công ty đã thành lập các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Nhà máy Thủy sản Nam An tại trụ sở chính của công ty trên nền tảng nhân lực và vật lực hiện có tại trụ sở chính của công ty. Chi nhánh có chức năng thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Chức năng của chi nhánh này là thử nghiệm các giải pháp nuôi thủy sản an toàn, bền vững, hiệu quả.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### + Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống;
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ.

#### + Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp thủy sản Sao Ta. Địa chỉ: Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

- Nhà máy thực phẩm An San. Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

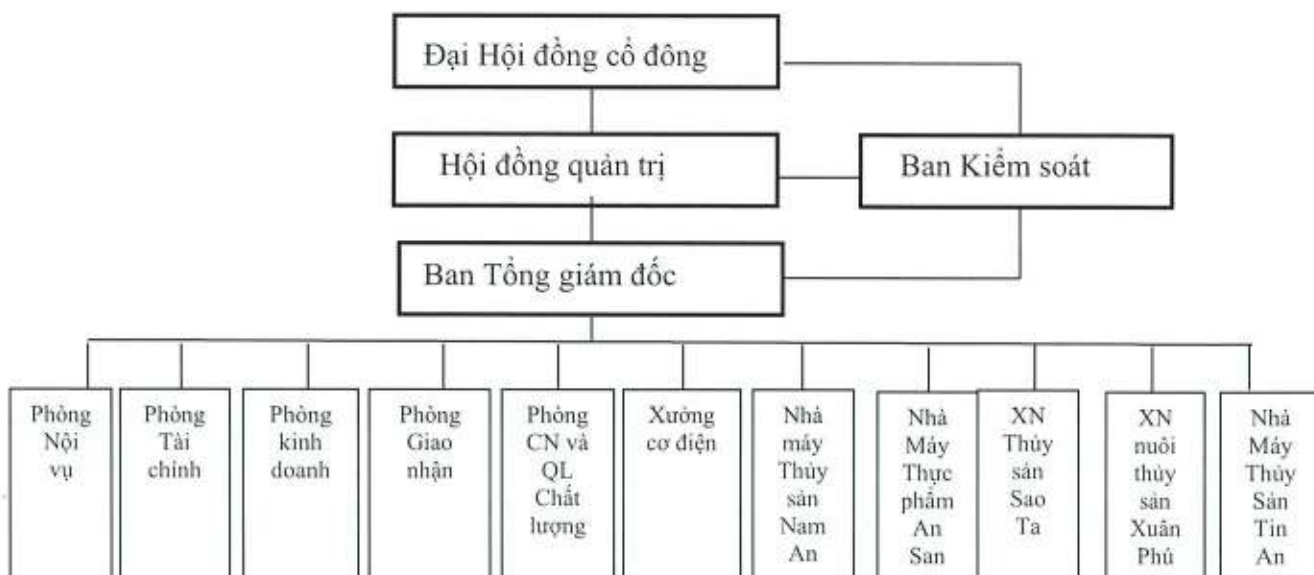
- Nhà máy thủy sản Tin An. Địa chỉ: Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

- Nhà máy Thủy sản Nam An. Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú. Địa chỉ: tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại Ấp Tân Nam, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

### 4.1 Mô hình quản trị:



### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

#### a) Hội đồng quản trị

HĐQT gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

#### b) Ban Kiểm soát

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát Bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

#### c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng giám đốc gồm 05 thành viên (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc), 01 kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt



động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty theo sự phân công.

*d) Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc*

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Nhà máy Thủy sản Nam An, Nhà máy Thực phẩm An Sơn, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An và Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú.

*e) Công ty con, công ty liên kết: Không*

## **5. Định hướng phát triển:**

### **+ Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- *Mục tiêu chiến lược: Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon, bổ dưỡng; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ làm tăng việc làm, tăng của cải xã hội.*

- *Mục tiêu cụ thể: Giữ vững uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu, chủng loại sản phẩm nhằm đạt mức tăng trưởng 10-20% năm về dài hạn, đứng trong top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản lớn nhất nước.*

### **+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- *Đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu thủy sản và nông sản trên nền tảng tìm hiểu khả năng cung cầu các mặt hàng cụ thể trên thị trường thế giới kết hợp với thế mạnh về đất đai, lao động của địa phương.*

- *Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, hết sức chú trọng về chiều sâu, các mặt hàng tinh chế nhằm tăng thế mạnh cạnh tranh, doanh số, lợi nhuận.*

- *Việc tổ chức nuôi, trồng, chế biến có chọn lọc và tổ chức trên nền tảng hạn chế tối đa gây tổn hại môi trường và lợi ích cộng đồng.*

### **+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

*Đây cũng là mục tiêu chủ yếu, đồng thời là chiến lược phát triển trung và dài hạn như đã nêu trên, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người lao động và các cổ đông.*

## 6. Các rủi ro:

### a) Rủi ro tỉ giá

Doanh thu tiêu thụ của công ty chủ yếu là xuất khẩu (chiếm trên 95% tổng doanh thu). Đồng tiền sử dụng cho xuất khẩu là Đô la Mỹ. Nếu cặp tỉ giá USD/VND biến động tăng/giảm đều ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ, ảnh hưởng lợi nhuận của công ty.

### b) Rủi ro lãi suất

Nguồn tài trợ vốn lưu động của công ty chủ yếu vay ngắn hạn ngân hàng. Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### a) Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, thu mua chế biến và xuất khẩu nông thủy hải sản xuất khẩu đông lạnh chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chông chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Ngoài ra với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia này ban hành.

### b) Rủi ro đặc thù

**Rủi ro về thị trường tiêu thụ:** Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình.

**Rủi ro cạnh tranh:** Ngành thủy sản ở Việt Nam có hàng trăm doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tuy nhiên việc đầu tư thấp, dàn trải và không đồng bộ, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán giá thấp kèm theo chất lượng sản phẩm thấp đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

**Rủi ro về các yếu tố đầu vào:** Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

*c) Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của FIMEX VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội - chính trị trong và ngoài nước, cung - cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, ... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào công ty.

*d) Rủi ro khác*

Những rủi ro về môi trường như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh, dịch họa, ... tuy xác suất xảy ra không lớn nhưng nếu phát sinh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hoạt động kinh doanh của công ty và gây tổn thất nghiêm trọng.

208  
GT  
CP  
AO  
NG

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	1.520.839	1.495.244	101,71
2	Doanh thu thuần	3.709.591	3.806.660	97,45
3	Giá vốn hàng bán	3.284.871	3.411.980	96,27
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	234.289	193.671	120,97
5	Lợi nhuận khác	1.699	355	478,59
6	Lợi nhuận trước thuế	235.988	194.027	121,63
7	Lợi nhuận sau thuế	229.776	180.496	127,30
8	Tỷ lệ cổ tức	25 (*)	20%	125,00

(Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Ghi chú: (\*) Dự kiến trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Tình hình thực hiện kế hoạch:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	% 2019 Kế hoạch
1	Tổng doanh thu bán hàng	4.350.000	3.730.091	3.813.710	85,75
2	Lợi nhuận trước thuế	180.000	235.988	194.027	131,10
3	Tỷ lệ cổ tức	20%	25%	20%	125,00

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
2	Dương Ngọc Kim	P.Tổng Giám đốc	
3	Mã Ích Hưng	P.Tổng Giám đốc	
4	Đình Văn Thới	P.Tổng Giám đốc	
5	Hoàng Thanh Vũ	P.Tổng Giám đốc	
6	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	



**Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:**

***Ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch Hội đồng quản trị***

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Tiến sĩ
Trình độ chuyên môn	Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 1983–1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
- Từ 1986–1991	Phó phòng Kế hoạch Xi nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
- Từ 1991–1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xi nghiệp đông lạnh II
- Từ 1992–1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1994–1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1996–2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003–2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- Từ 2007–10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 10/2009–03/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 04/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP TP Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	810.000



*Ông Phạm Hoàng Việt – Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822201/3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1986–1992	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992–1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996–04/1997	Nhân viên Phòng XNK - Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 04/1997–2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
- Từ 2003–2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	256.724

*Bà Dương Ngọc Kim – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	18/08/1958
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822203
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1978–1986	Trưởng ca sản xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1987–1992	Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
- Từ 1992–1995	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 1996–1997	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1997–2003	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 04/2007–10/2009	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	242.034





*Ông Mã Ích Hưng – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 02/1992–01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 02/1996–07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 08/1998–12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 06/2006–30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 –06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 24/07/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 16/04/2010–31/07/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	112.372



*Ông Đinh Văn Thới – Phó Tổng Giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1962
Nơi sinh	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Từ 1981–1986	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1987–1990	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ khí Sóc Trăng
Từ 1990-1992	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1996-12/2002	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
Từ 01/2003-12/2004	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 2005–30/11/2008	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/12/2008–31/03/2010	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An Sơn
Từ 01/04/2010–16/04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 16/04/2010–26/04/2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	162.144



*Ông Hoàng Thanh Vũ – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cày, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822 223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	
- Từ 05/2000–04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
- Từ 05/2001–06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 06/2002–12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 03/2005–04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2010–04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013–04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2015–nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	82.006

*Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 02/1994–09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
Từ 01/2003–05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 06/2003–12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/2005–31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/08/2006–17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 18/08/2006–nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	157.304

B75  
TY  
PH  
T  
1.1.5

**2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:**  
Không thay đổi.

**2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên:** Tại ngày 31/12/2019

Tổng số người lao động: 3.728 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>3.728</b>	<b>100,00</b>
1	Trình độ trên Đại học	6	0,16
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	359	9,63
3	Trình độ Trung cấp	155	4,16
4	Công nhân kỹ thuật		
5	Lao động phổ thông	3.208	86,05
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>3.728</b>	<b>100,00</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	1.613	43,27
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	2.115	56,73
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>3.728</b>	<b>100,00</b>
1	Nam	1.237	33,18
2	Nữ	2.491	66,82

**Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

### **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Trong dài hạn, công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004...

Ngoài ra, công ty còn thuê các chuyên gia đến công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ công ty sau khi học tập.

### **Lương, thưởng, trợ cấp**

Để tạo sự công bằng, hiện nay công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của công ty. Chính sách khen thưởng của công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Theo báo cáo của Hội đồng quản trị tại khoản 1.3, Mục IV.

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: Đã được nêu tại Mục II, Khoản 1 trong báo cáo này.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,92	1,49
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,44
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,38	0,54
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	0,62	1,17
<b>2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,64	4,32
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	2,44	2,55
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,19	4,74
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	24,48	26,20
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,11	12,07
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,32	5,09
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	5.468	3.680

(Nguồn : Báo cáo Tài chính kiểm toán 2019)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2019:

### 5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 49.044.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 47.406.486 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 1.637.514 cổ phần.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	2,81
2. Cổ đông là pháp nhân	53	35.745.628	357.456.280.000	72,88
3. Cổ đông là cá nhân	1.610	11.918.372	119.183.720.000	24,31
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.664</b>	<b>49.044.000</b>	<b>490.440.000.000</b>	<b>100.00</b>

Trong đó:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn	3	31.608.390	316.083.900.000	64,45
- Pháp nhân	3	31.608.390	316.083.900.000	64,45
- Cá nhân	0	0	0	0
2. Cổ đông nước ngoài	152	3.617.858	36.178.580.000	7,38
- Pháp nhân	27	3.289.592	32.895.920.000	6,71
- Cá nhân	125	328.266	3.282.660.000	0,67

(Nguồn: Theo danh sách Trung tâm lưu ký chốt đến ngày 31/12/2019)



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu: *Không có.*

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

• **Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:**

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công ăn việc làm cho người dân, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của bản thân công ty là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU... đều đòi hỏi những sản phẩm thật sự chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, FMC có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hiện nông nghiệp tốt - hệ thống chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, ít tác hại vào môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông phẩm; tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt vào thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật, Mỹ và EU.
- Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên.

Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.

- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm; do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải sạch là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, bảo đảm quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng.
- Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

- **Chính sách liên quan đến người lao động**

Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến công ty làm việc.

Trong mỗi Nhà máy, Xí nghiệp, Công ty đều có trang bị các căn tin, các phòng đọc sách, khu vui chơi giải trí cho người lao động.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1 *Đánh giá hình hoạt động 2019:*

- Năm có diễn tiến nguyên liệu ngoài dự kiến do dịch bệnh trên tôm nuôi. Giá tôm tăng mạnh ngay từ giữa tháng 8.
- Thị trường Hoa Kỳ vẫn là nơi có sự cạnh tranh mạnh mẽ nhất do tôm Á Độ có giá rẻ.
- Thị trường EU đầy thách thức do nhiều quốc gia, nhiều doanh nghiệp cùng tiếp cận.
- Thương chiến Mỹ Trung tiềm ẩn thời cơ lẫn thách thức. Bùng phát dịch covi-19 khiến thị trường tiêu thụ đầy bất ổn.

##### 1.2 *Kết quả hoạt động năm tài chính 2019:*

Nhận định khó khăn từ thị trường Hoa Kỳ, FMC đã chủ động giảm thị phần và tập trung vào thị trường Nhật Bản, vốn là thế mạnh của mình. Đồng thời chú trọng chiều sâu, tập trung khách hàng có giá cả tốt hơn. Mặt khác chú trọng các thị trường Hàn Quốc, Úc... nhằm tìm kiếm cơ hội mới. Ngay từ đầu năm, FMC đã có sự chuẩn bị cho việc nuôi tôm khá chu đáo, từ lịch thời vụ, con giống, quy trình nuôi và giải pháp phòng ngừa, xử lý... để nỗ lực hình thành một mảng kinh doanh chính hứa hẹn nhiều triển vọng.

Kết quả hoạt động năm 2019 như sau:

Diễn giải	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019
Tôm TP chế biến	Tấn	18.011	18.500	16.356
Tôm TP tiêu thụ	Tấn	14.175	16.000	14.998
Nông sản chế biến	Tấn	1.318	1.400	1.888
Nông sản tiêu thụ	Tấn	1.379	1.400	1.692
Doanh số chung	Triệu USD	163,6	185	160,6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	194	180	236

*Qua số liệu trên cho thấy:*

- Sản lượng tôm chế biến giảm. Nguyên nhân do năm 2019 FMC không chủ trương dự trữ tôm block vì giá nguyên liệu cao.
- Sản lượng tôm tiêu thụ tăng, góp phần giữ vững doanh số bởi đơn giá tiêu thụ năm nay giảm.
- Nông sản tăng 40% về sản lượng chế biến và 23% về sản lượng tiêu thụ. Điều này góp phần làm tăng lợi nhuận chung.

- Lợi nhuận chung tăng mạnh, vượt 30% kế hoạch do cả ba mảng kinh doanh là nuôi tôm, chế biến tôm, chế biến nông sản đều có lãi. Trong đó nuôi tôm và chế biến nông sản có mức tăng mạnh hơn.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2019	2018	Chênh lệch
01	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>1.098.183</i>	<i>1.187.087</i>	<i>(88.904)</i>
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	244.107	26.594	217.513
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.616	5.100	3.516
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	242.328	288.856	(46.528)
	- Hàng tồn kho	577.711	837.299	(259.588)
	- Tài sản ngắn hạn khác	25.421	29.238	(3.817)
02	<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>422.656</i>	<i>308.157</i>	<i>114.499</i>
	Trong đó:			
	- Phải thu dài hạn	3.034		3.034
	- Tài sản cố định	267.153	276.025	(8.872)
	- Tài sản dở dang dài hạn	105.207	12.640	92.567
	- Tài sản dài hạn khác	47.262	19.492	27.770
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.520.839</b>	<b>1.495.244</b>	<b>25.595</b>

- Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do tồn kho giảm. Tồn kho giảm do giá nguyên liệu cuối năm ở đà tăng cao và công ty hạn chế dự trữ hàng block dạng bán thành phẩm.
- Tài sản dài hạn tăng chủ yếu việc đầu tư xây mới kho lạnh và đầu tư mở rộng thêm vùng nuôi tôm đang trong giai đoạn hoàn thiện.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả của công ty chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng. Khoản nợ này so với đầu năm giảm 317 tỉ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là tồn kho giảm như đã nêu tại 2.1 mục III báo cáo này.

Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình diễn biến cập tỉ giá USD/VND hàng ngày, công ty lựa chọn phương án vay USD hay vay VND sao cho chi phí đi vay thấp nhất.

• *Về rủi ro tỉ giá:*

Chi tiêu (tại ngày 31/12/2019)	Tiền gốc ngoại tệ			Tương đương VND (triệu đồng)		
	USD	JPY	EUR	USD	JPY	EUR
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và tương đương tiền	626.891,20	682.960,00	188,98	14.487	143	5
Phải thu	10.685.295,03			247.301		
<i>Tổng cộng</i>	<i>11.312.186,23</i>	<i>682.960,00</i>	<i>188,98</i>	<i>261.788</i>	<i>143</i>	<i>5</i>
<b>Nợ tài chính</b>						
Các khoản vay	11.913.890,00			276.759		
Các khoản phải trả khác	202.456,23	25.490.384,80		4.703	5.506	
<i>Tổng cộng</i>	<i>12.116.346,23</i>	<i>25.490.384,80</i>	<i>0</i>	<i>281.462</i>	<i>5.506</i>	<i>0</i>
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(804.160,00)</b>	<b>(24.807.424,80)</b>	<b>188,98</b>	<b>(19.674)</b>	<b>(5.363)</b>	<b>5</b>

Về khả năng thanh toán nợ phải trả: công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả vì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn lớn hơn 1.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.

**4. Kế hoạch phát triển tương lai:**

**4.1. Kế hoạch dự kiến năm 2020:**

• **Đánh giá tình hình 2020:**

- Điểm mạnh và thời cơ: Đó là chiến lược đi vào chiều sâu đã có kết quả ban đầu khả quan. Về nuôi tôm, chủ động quy trình nuôi tôm của mình trên nền tảng dựa vào đất, nước cụ thể tại vùng nuôi và khả năng quản trị quy trình, quản trị rủi ro. Nông sản từng bước có vị trí vững vàng hơn trên thương trường. Thương hiệu sản phẩm FMC từng bước được khách hàng đánh giá cao. Sự hỗ trợ từ Chính phủ, Bộ ngành, chính quyền địa phương đối với lĩnh vực thủy sản ngày càng tốt hơn. Thương chiến Mỹ Trung có thể là cơ hội để FMC tiêu thụ tốt hơn tôm bao bột.

- Điểm yếu và rủi ro: Nuôi tôm nhỏ lẻ đầy rủi ro, khó kiểm soát dễ dẫn đến những nguy cơ lớn hơn. Tiềm ẩn dịch bệnh trong nuôi tôm vẫn là điểm nóng để FMC luôn cảnh giác nâng cao nhất an toàn sinh học ở vùng nuôi của mình. Dịch bệnh covid-19 có thể gây đảo lộn thị trường.

• **Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:**

- Sản lượng tôm chế biến: 17.500 tấn, tăng 6,4% so thực hiện năm 2019.
- Sản lượng tôm tiêu thụ: 16.000 tấn, tăng 6,7%.
- Sản lượng nông sản chế biến và tiêu thụ: 1.800 tấn, không tăng.
- Doanh số chung: 176 triệu USD tăng 10%.
- Lợi nhuận trước thuế: 240-250 tỷ đồng, tăng 5%.
- Cổ tức: 20%-25% trên mệnh giá, không tăng.

*Dự kiến kế hoạch nêu trên dựa trên căn cứ hoạt động năm 2019. Tuy nhiên, kế hoạch này có thể sẽ được thay đổi khi HĐQT trình lên Đại hội đồng cổ đông thường*

*niên năm 2020 sắp tới, nhất là do nguyên nhân tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra vô cùng phức tạp.*

#### **4.2. Giải pháp:**

- Nuôi tôm: Tăng diện tích nuôi lên 270 hecta. Khoảng 400 ao nuôi, phần đầu tự chủ 25-30% nguyên liệu.
- Chế biến: Triển khai giai đoạn mới, tập trung các yếu tố cơ giới hóa tiến tới tự động hóa, tiết kiệm trong việc mở rộng quy mô sản xuất.
- Nông sản: Giữ vững thị trường, phát huy những mặt hàng đặc thù có tỉ suất lợi nhuận tốt.
- Thị trường: Tiếp tục duy trì cơ cấu thị trường đang có. Tuy nhiên, luôn quan tâm tranh thủ những cơ hội có thể để nâng cao hiệu quả.
- Cơ sở vật chất: Hoàn thiện kho lạnh 6.000 tấn, triển khai xây dựng thêm nhà máy chế biến trong khu công nghiệp An Nghiệp.
- Có kế hoạch đào tạo đội ngũ kế thừa, tinh chất hơn. Giữ chân người lao động thông qua hệ thống thù lao cải thiện hơn.
- Từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm trên nền tảng tận dụng mọi cơ hội có thể.
- Coi trọng duy trì, phát huy giá trị văn hóa doanh nghiệp; các tiêu chí CSR, CSI...

**5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán:** không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

#### **6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình tượng của doanh nghiệp, và hơn nữa ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển liên tục. Với bối cảnh như vậy, FMC xem trọng song song việc tăng gia hiệu ích và bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi một con đường mà việc bảo vệ môi trường và tăng gia hiệu ích cùng thắng.

Trong năm qua, FMC luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư các thiết bị xử lý nước thải, xử lý

việc xả khí thải ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lỏng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các trang thiết bị hiện đại giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường, hợp vệ sinh, đúng pháp luật.

## **6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Người lao động là động lực phát triển của công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

FMC luôn chú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật, có chính sách nghỉ bệnh, tai nạn,...nhằm hỗ trợ người lao động một cách tối đa có thể. Tổ chức các hoạt động giải trí nhân dịp 08/03, 20/10, lễ, Tết... Khuyến khích cho con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

## **6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp, cũng là một sự đầu tư của doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,...tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với công ty.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:**

### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:**

#### *1.1 Về tăng vốn điều lệ:*

Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 402 tỉ lên 490,44 tỉ đồng bằng việc hoàn thành đợt phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 17/NQ\_ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019.

#### *1.2 Về tổ chức bộ máy:*

Nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn, theo Biên bản họp HĐQT số 05/HĐQT.19 ngày 14/10/2019, Công ty đã thành lập các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Nhà máy Thủy sản Nam An tại trụ sở chính của công ty trên nền tảng nhân lực và vật lực hiện có tại trụ sở chính của công ty. Chi nhánh có chức năng thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Chức năng của chi nhánh này là thử nghiệm các giải pháp nuôi thủy sản an toàn, nền vững, hiệu quả.

### 1.3 Về xây dựng cơ bản:

- Đầu tư xây dựng kho lạnh 6000 tấn tại Khu Công nghiệp An Nghiệp với tổng số vốn đầu tư dự kiến khoảng 60 tỉ đồng. Dự kiến công trình này sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động trong quý 2 năm 2020.

- Đầu tư mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất kế bên khu nuôi tôm TaNa Farm tại xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Khu nuôi mới này có diện tích hơn 81 hecta, với chi phí đầu tư bao gồm chi phí hỗ trợ đền bù đất đai và tài sản gắn liền với đất, chi phí cải tạo ao, chi phí hệ thống điện,.. lên đến gần 80 tỉ đồng. Công trình này dự kiến sẽ hoàn thành và bắt đầu thả nuôi trong quý 2 năm 2020.

### 1.4 Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:

- Năm 2019 tiếp tục Ban điều hành công ty đã mạnh dạng ký nhiều hợp đồng lớn, giá tốt ở thời giá nguyên liệu ở mức cao; Giá mua nguyên liệu trong năm biến động theo chiều hướng giảm dần trong 6 tháng đầu năm nhằm đem lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

- Hoạt động nuôi tôm trồng cả hai vụ nuôi cũng góp phần không nhỏ vào lợi nhuận chung của công ty.

- Màng nông sản tăng sản lượng chế biến lẫn sản lượng tiêu thụ cũng góp phần tăng lợi nhuận chung.

- Sản phẩm của công ty luôn ổn định chất lượng, luôn giữ vững uy tín thương hiệu.

- Bộ thương mại Mỹ (DOC) đã công bố mức thuế chính thức cho giai đoạn rà soát hành chính lần thứ 13 giai đoạn từ 01/02/2017 đến 31/01/2018 cho vụ kiện bán phá giá tôm Việt Nam vào thị trường Mỹ (POR13) cho hai bị đơn bắt buộc là FMC và Nha Trang Seafood với mức thuế 0%. Đây là mặt thuận lợi cho việc lấy lại mức thuế đã nộp trong giai đoạn này (4,58%) và là nền tảng tốt cho việc thỏa thuận không làm hồ sơ bán phá giá tôm vào thị trường này giai đoạn từ 01/02/2019 đến 31/01/2020 (POR15).

## 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Ban lãnh đạo công ty đã có tầm nhìn đúng đắn và ứng phó kịp thời, từng bước khắc phục và linh động trong hoạt động điều hành đã đưa công ty đến thành quả tốt



và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2019, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên nền tảng chủ định của các cổ đông lớn, bối cảnh hoạt động và nhu cầu thực tế, HĐQT sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới. Đó là *Luôn coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ hàng đầu song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, tăng doanh số, tăng hiệu quả và đồng lời. Trong việc phát triển sản xuất sẽ từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua xây dựng chương trình nuôi tôm quy mô lớn. Ngoài ra luôn coi trọng tiết kiệm mọi mặt đồng thời luôn giữ gìn cốt lõi của nét văn hóa doanh nghiệp là hết sức coi trọng chữ tín trong kinh doanh, tăng cường sự đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi mặt hoạt động.*

Trong hoạt động, HĐQT cũng luôn coi trọng việc nắm thông tin phải kịp thời. Và trên hết phải nhanh chóng xử lý thông tin để tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. HĐQT coi trọng việc thực hiện từng bước chiến lược kinh doanh đã đề ra, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện sao phù hợp thực tế và có sự linh hoạt uyển chuyển kịp thời sao giảm thấp nhất thiệt hại (nếu xảy ra) và tăng tối đa hiệu quả hoạt động. HĐQT coi trọng việc kinh doanh tiền tệ, nắm bắt tình hình diễn biến tỉ giá nhằm có hướng vay để giảm chi phí lãi vay ngân hàng. HĐQT cũng coi trọng việc chăm lo đời sống người lao động là một việc làm thường xuyên để người lao động yên tâm, gắn bó, tăng năng suất và chất lượng công việc.

- Bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025;
- Sắp xếp lại nhân sự những điểm cho phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ;
- Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020 là 950 triệu đồng. Thương hoàn thành kế hoạch thưởng 3% lợi nhuận, vượt mức kế hoạch thưởng 5% lợi nhuận vượt. Tất cả được tính là sau thuế.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	Xem phần lý lịch Ban điều hành
3	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
4	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	Xem phần lý lịch Ban điều hành
5	Tô Minh Chăng	Thành viên	Xem phần lý lịch Ban điều hành

### 1.1.1 Lý lịch bà Nguyễn Thị Trà My:

Bà Nguyễn Thị Trà My là đồng sáng lập, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn PAN – Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm tại Việt Nam, đồng thời sáng lập và kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP CSC Vietnam – một công ty quản lý đầu tư cá nhân. Trước khi gia nhập The PAN Group và CSC Vietnam, bà có 18 năm kinh nghiệm ở cương vị Giám đốc Tài chính và Phó Tổng Giám đốc tại Biomin Vietnam – công ty thuộc Tập đoàn công nghệ của Áo đang hoạt động trên 100 nước, nơi bà cũng từng đảm nhận vị trí cố vấn cao cấp. Hiện tại bà cũng là thành viên kiêm giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta từ 23/03/2018 đến nay.

Những hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và quản lý chuỗi giá trị mà bà Trà My đã đóng góp ở The PAN Group có ý nghĩa rất quan trọng đối với những thành công gần đây của Tập đoàn. Bà đã giúp Tập đoàn vươn lên vị trí hàng đầu trong ngành nông nghiệp, đặc biệt là trong ngành giống với việc chiếm lĩnh 30% thị trường, cũng như các giải pháp sáng tạo và công nghệ cao được áp dụng trong lĩnh vực hoa và quả đem lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan trong chuỗi giá trị không chỉ ở Việt Nam mà còn ở Nhật Bản, thị trường xuất khẩu chính của Tập đoàn PAN.

Bà có vai trò tích cực trong hoạt động nông nghiệp của PAN với tư cách Chủ tịch PAN Farm, Chủ tịch PAN-SALADBOWL và thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và BioSpring.

Bà Trà My có chứng chỉ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Shidler College of Business, Đại học Hawaii, nơi bà nhận giải thưởng cựu viên danh tiếng (Hall of Honor Awards) năm 2016, và đã hoàn thành khóa học Thay đổi tư duy lãnh đạo doanh nghiệp tại trường Đại học Harvard Hoa Kỳ.

### 1.1.2 Ông Đặng Kiệt Tường

- Họ tên : Đặng Kiệt Tường
- Ngày sinh : 01/08/1959
- Nơi sinh : Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 214A Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

- 1986 - 1990: NV và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre
- 1990 - 1995: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tr
- 1995 - 1999: Phó Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre  
- 1999 - 2004: Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre.
- 2004 đến 2019: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty CP XNK thủy sản Bến Tre (ABT).
- Từ 23/03/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT của ABT và thành viên HĐQT của FMC.
- Sở hữu cá nhân: 62.348 cổ phần, chiếm 0.13% vốn điều lệ, đại diện 8.089.000 cổ phần FMC (chiếm 16,49%) của Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

## 1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

## 1.3. Hoạt động của HĐQT:

### - Các cuộc họp:

Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triệu tập 05 lần họp chính thức và nhiều lần họp bất thường:

- ✓ Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2018;
- ✓ Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 diễn ra ngày 05/04/2019.
- ✓ Thông qua Phương án SXKD 2019, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- ✓ Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cho việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;

✓ Thông qua việc triển khai phương án phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 804.000 cổ phiếu ESOP theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2019; Thông qua quy chế ESOP 2019 và danh sách người lao động được mua cổ phiếu.

✓ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2019.

✓ Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc được thế chấp các tài sản của Công ty liên quan đến giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng thương mại, đồng thời giao Tổng giám đốc ký kết các giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng này.

✓ Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; Sản xuất sản phẩm từ plastic để trình đại hội đồng cổ đông gần nhất.

✓ Thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian đăng ký và đặt mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

✓ Xem xét thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu chưa bán hết và phân phối số cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN.

✓ Thông qua kết quả quyết toán sơ bộ 9 tháng đầu năm 2019

✓ Thống nhất mở chi nhánh công ty là XÍ NGHIỆP NUÔI THỦY SẢN XUÂN PHÚ tại khu nuôi tôm tại Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng

✓ Thành lập mới NHÀ MÁY THỦY SẢN NAM AN tại trụ sở chính công ty nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn trên cơ sở nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện có.

✓ Thông qua quy chế khen thưởng nuôi tôm, quy chế chi hoa hồng bán hàng.

✓ Thông qua việc trả cổ tức bằng tiền mặt 2.000đ/CP cho năm 2018 cùng với việc chốt danh sách chi trả và danh sách bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

✓ Thông qua việc ứng cổ tức 1.500 đ/CP năm 2019 bằng tiền mặt.

- **Các nghị quyết:**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01A/NQ.HĐQT.19	12/02/2019	Án định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
02	01B/NQ.HĐQT.19	12/02/2019	Thống nhất các tài liệu trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
03	03A/NQ.HĐQT.19	28/05/2019	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
04	03B/NQ.HĐQT.19	28/05/2019	Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu ESOP theo chương trình lựa chọn cho NLD năm 2019.
05	03C/NQ.HĐQT.19	28/05/2019	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD.
06	04NQ.HĐQT.19	13/08/2019	Chốt danh sách trả cổ tức 2018 và danh sách bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
07	05/NQ.HĐQT.19	16/09/2019	Điều chỉnh thời gian chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu
08	06/NQ.HĐQT.19	14/10/2019	Thông qua kết quả phát hành và phân phối lại số cổ phiếu chưa bán hết cho Công ty CP TP Pan.
09	07/NQ.HĐQT.19	14/10/2019	Thành lập chi nhánh công ty – Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú

10	08/NQ.HĐQT.19	14/10/2019	Thành lập chi nhánh công ty – Nhà máy thủy sản Nam An
11	09/NQ.HĐQT.19	14/10/2019	Tam ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt 1.500đ/CP.

#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của công ty. Năm 2019, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

#### 1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

#### 1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Không có

### 2. Ban kiểm soát:

#### 2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	50.000	0,10
2	Chung Thanh Tâm	Thành viên	54.250	0,11
3	Triệu Tương Long	Thành viên	56.000	0,11

#### 2.2. Hoạt động của BKS:

##### 1. Đánh giá về công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2019

###### 1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty đã được Đại hội cổ đông đề ra.

Các phiên họp HĐQT đã ban hành Nghị quyết phù hợp với Điều lệ, nội dung định hướng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị Quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản); đồng thời, báo cáo về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán được đầy đủ và đúng thời gian quy định.

###### 1.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc



Năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và cụ thể hóa các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ của công ty; chỉ đạo điều hành trong các khâu tổ chức SXKD theo đúng mục tiêu và các chỉ tiêu đại hội đề ra.

Nhìn chung, năm 2019 Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chuyên môn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Nhà nước và Điều lệ của công ty.

## **2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019:**

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nắm tình hình hoạt động của HĐQT, Ban TGD và tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ hoạt động của công ty; BKS phân công các thành viên nghiêm túc thực hiện tốt nhiệm vụ nắm thông tin thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có các ý kiến kịp thời về tình hình SXKD của công ty.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát cũng đã xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoạt động Công ty, giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám công ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của công ty; đồng thời, theo dõi sát sao thông qua việc trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến trao đổi thông tin liên quan qua mail, điện thoại. Qua kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tất cả các hoạt động của công ty điều tuân thủ đúng luật và hoạt động ở mức ổn định, bình thường.

## **Giám sát hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh năm 2019**

Việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và được trình bày các báo cáo theo quy định, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý không ẩn chứa các khía cạnh trọng yếu.

Ban kiểm soát thực hiện định kỳ xem xét, kiểm tra rà soát, phân tích các thông tin, số liệu trên của báo cáo tài chính hàng quý của công ty; đồng thời xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán cẩn trọng bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2019 thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã thực hiện như sau:

**Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019:**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019	Chỉ tiêu thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %TH/KH
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.350	3.730	85.7%
Lợi nhuận trước thuế	180	235.9	131%

Về nguyên nhân thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể như: Chỉ tiêu doanh thu thực hiện so với kế hoạch chỉ đạt 85.7%, tuy chỉ tiêu này không đạt nhưng các yếu tố chi phí thấp làm hạ giá thành dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch vượt 31%. Đây là chỉ tiêu quyết định tỷ suất lợi nhuận cao là sự nỗ lực tích cực của Ban Điều hành Công ty.

**3. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát**

Thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT Công ty giao.

Ban kiểm soát giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban điều hành trong tổ chức thực hiện SXKD tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ hoạt động của công ty.

Qua giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Điều hành bộ máy công ty từ khâu tổ chức sử dụng nhân sự, tuyển dụng lao động đã đáp ứng cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và thực hiện tốt các chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Đối với các phân xưởng sản xuất việc trang thiết bị, sửa chữa định kỳ đúng thời hạn phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và việc vận hành thiết bị đúng theo quy trình, quy định nên đã phát huy hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh nên không gây xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động.

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị có ban hành các Quy chế, Quy định như: quy trình xuất, nhập vật tư, định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất; đồng thời, công ty xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí đầu vào nhằm hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trong lúc kinh tế thế giới đang khủng hoảng khó khăn chung và giá tôm thành phẩm trên thị trường trong năm liên tục giảm.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn hạn chế về năng lực và thiết bị tâm soát chất lượng sản phẩm.

### **Nhận xét chung:**

Năm 2019 là năm mà ngành thủy sản lao dốc, các công ty lớn gặp nhiều khó khăn doanh thu và lợi nhuận giảm, nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm của Hội đồng quản trị cùng với Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty cũng đã vượt chỉ tiêu về lợi nhuận 31% của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Về hoạt động nuôi tôm, năm 2019 Công ty đạt sản lượng 3.508 tấn tôm nguyên liệu, tăng 71% so với năm 2018, đây cũng là sản lượng cao nhất kể từ lúc thành lập trại Tanafarm.

Về cơ cấu thị trường của năm 2019 có sự thay đổi. Công ty đẩy mạnh sang thị trường Hoa Kỳ vốn là thị trường có nhu cầu sản lượng lớn và thị trường Nhật Bản nhằm bù đắp cho sự sụt giảm từ thị trường EU.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn, trong đó tỷ trọng lớn nằm ở phải thu khách hàng (14%), hàng tồn kho (38%) và tài sản cố định (24%). Về nguồn vốn, Công ty chủ yếu tài trợ bằng nợ vay ngân hàng ngắn hạn (18%) và vốn chủ sở hữu (67%).

Về đầu tư, trong năm 2019 công ty đã đầu tư kho lạnh 6.000 tấn và dự án nuôi tôm mới ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam niên độ 2019 được khóa sổ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019 theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam; báo cáo tài chính đã loại trừ những sai sót trọng yếu.

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập xin xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, phù hợp pháp luật Việt Nam.

## **4. Phương hướng hoạt động thời gian tới của BKS.**

Trước tiên là thực hiện mục tiêu Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra năm 2020, Ban kiểm soát cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và phấn đấu làm tốt chức năng nhiệm vụ được cổ đông giao.

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo công khai, minh bạch và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.

Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích cổ đông.



Kiểm tra, giám sát về lĩnh vực về đầu tư tài chính của công ty, thực hiện theo dõi về công tác tổ chức nhân sự, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm, tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm.

## 5. Kiến nghị

- Công ty cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kho lạnh 6.000 tấn giúp tăng công suất từ 4.000 tấn lên 10.000 tấn, nhằm giảm chi phí thuê kho ngoài.

- Hoàn tất công tác đầu tư cải tạo khu nuôi tôm 90 ha mới để thả tôm nuôi vào cuối tháng 4 theo đúng kế hoạch.

- Năm 2020 trước tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên thế giới hiện nay chưa xác định được đỉnh lây lan dịch bệnh và kinh tế toàn cầu thiệt hại rất lớn dẫn đến kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng; do đó, BKS đề nghị HĐQT và Ban Điều hành công ty phải xây dựng Kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thế giới và Việt Nam hiện nay. Trước mắt tuân thủ các quy định về y tế quản lý con người...

- Về nhân lực: Hội đồng quản trị cần định hướng và xây dựng Kế hoạch quy hoạch đội ngũ quản lý kế thừa có chính sách đào tạo nguồn nhân lực trẻ.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

*DVT: Ngàn đồng*

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
01	Hồ Quốc Lực	CT.HĐQT	2.272.372	144.000		2.416.372
02	Nguyễn Thị Trà My	PCT.HĐQT	996.000	144.000		1.140.000
03	Phạm Hoàng Việt	TV.HĐQT	2.422.282	108.000		2.530.282
04	Tô Minh Chăng	TV.HĐQT	1.715.734	108.000		1.823.734
05	Mã Ích Hưng	Phó TGĐ	1.154.199			1.154.199
06	Đặng Kiệt Tường	TV.HĐQT	660.000	108.000		768.000
07	Đình Văn Thới	TV.HĐQT	1.049.227			1.049.227
08	Dương Ngọc Kim	Phó TGĐ	1.033.335			1.033.335
09	Chung Thanh Tâm	TV.BKS	300.000	84.000		384.000
10	Nguyễn Văn Nguyên	TB.BKS	510.000	108.000		618.000
11	Hoàng Thanh Vũ	Phó TGĐ	1.004.602			1.004.602
12	Triệu Tương Long	TV.BKS	864.370	84.000		948.370
13	Triệu Mai Lan	Thư ký	467.684	36.000		503.684
	<b>Tổng cộng</b>		<b>14.449.805</b>	<b>924.000</b>		<b>15.373.805</b>

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Quốc Lực		605.000	1,50%	810.000	1,65%	Mua 45.000 CP và Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
2	Dương Ngọc Kim	Vợ Hồ Quốc Lực	178.362	0,42%	242.034	0,49%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
3	Hồ Hoa Đông	Con Hồ Quốc Lực	30.000	0,07%	50.000	0,10%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
4	Phạm Hoàng Việt		188.937	0,47%	256.724	0,52%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
5	Triệu Mai Lan	Vợ Phạm Hoàng Việt	123.744	0,31%	170.490	0,35%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
6	Đinh Văn Thới		111.787	0,28%	162.144	0,33%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
7	Nguyễn Như Diễm Quỳnh	Vợ Đinh Văn Thới	23.545	0,06%	28.254	0,06%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
8	Tô Minh Chăng		109.420	0,27%	157.304	0,32%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
9	Mã Ích Hưng		112.372	0,28%	162.846	0,33%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
10	Ngô Kiều Phương	Vợ Mã Ích Hưng	33.637	0,08%	40.364	0,08%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
11	Chung Thanh Tâm		44.420	0,11%	54.250	0,11%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
12	Hoàng Thanh Vũ		45.005	0,11%	82.006	0,17%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
13	Triệu Tương Long		30.000	0,07%	56.000	0,11%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
14	BCH HĐQT công ty	Ông Tô Minh Chăng làm Chủ tịch	513.409	1,28%	616.090	1,26%	Bán 39.550 CP. Và Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu năm 2019
15	Nguyễn Thị Trà My		40.000	0,10%	67.000	0,14%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
16	Đặng Kiệt Tường		40.000	0,10%	62.348	0,13%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019
17	Nguyễn Văn Nguyên		30.000	0,07%	50.000	0,10%	Mua theo chương trình phát hành cổ phiếu 2019

- 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
- 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ.
- VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Tham khảo Phụ lục đính kèm.

Sóc Trăng, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đại diện pháp luật của công ty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM HOÀNG VIỆT**

## PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

*(Báo cáo Tài chính 2019 đã được kiểm toán)*

## Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CP  
TM  
A  
SỐ T

**EY**

Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam và 5 chi nhánh tại Thành phố Sóc Trăng, Huyện Châu Thành và Huyện Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Đặng Kiệt Tường	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng ban
Ông Chung Thanh Tâm	Thành viên
Ông Triệu Tương Long	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

2087,  
GT,  
CP,  
AO,  
NG



Số tham chiếu: 61119180/21102483

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") được lập vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4177-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.098.182.717.496</b>	<b>1.187.087.360.011</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<i>244.106.573.376</i>	<i>26.594.499.011</i>
111	1. Tiền		16.939.748.376	6.200.499.011
112	2. Các khoản tương đương tiền		227.166.825.000	20.394.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	<i>8.616.255.000</i>	<i>5.100.000.000</i>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.616.255.000	5.100.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>242.328.337.480</i>	<i>288.855.817.408</i>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	247.301.191.421	300.517.284.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	11.528.363.667	7.502.915.960
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	15.672.561.659	13.590.172.521
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32.173.779.267)	(32.754.555.671)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	9	<i>577.710.305.370</i>	<i>837.299.066.301</i>
141	1. Hàng tồn kho		577.710.305.370	837.299.066.301
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>25.421.246.270</i>	<i>29.237.977.291</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.058.209.760	4.264.233.131
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	19.363.036.510	24.973.744.160
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>422.656.155.818</b>	<b>308.156.648.481</b>
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		<i>3.034.125.000</i>	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.034.125.000	-
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		<i>267.152.987.012</i>	<i>276.025.071.426</i>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	265.068.224.417	273.800.555.981
222	Nguyên giá		738.747.481.130	685.677.389.306
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(473.679.256.713)	(411.876.833.325)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.084.762.595	2.224.515.445
228	Nguyên giá		3.236.661.710	3.236.661.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.151.899.115)	(1.012.146.265)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<i>105.207.397.918</i>	<i>12.639.830.105</i>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	105.207.397.918	12.639.830.105
260	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>		<i>47.261.645.888</i>	<i>19.491.746.950</i>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	44.192.417.919	16.914.061.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	3.069.227.969	2.577.685.950
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.520.838.873.314</b>	<b>1.495.244.008.492</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>582.081.037.232</b>	<b>806.305.098.766</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>571.849.289.732</b>	<b>798.649.494.016</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	39.851.006.185	83.191.223.239
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		980.734.000	1.041.714.615
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.066.680.499	20.102.834.177
314	4. Phải trả người lao động		135.195.505.036	83.173.552.795
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.797.817.999	12.083.567.219
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	78.695.956.842	5.090.073.842
320	7. Vay ngắn hạn	18	276.759.664.700	593.284.459.500
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.501.924.471	682.068.629
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.231.747.500</b>	<b>7.655.604.750</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	635.000.000	635.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	9.596.747.500	7.020.604.750
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>938.757.836.082</b>	<b>688.938.909.726</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>938.757.836.082</b>	<b>688.938.909.726</b>
411	1. Vốn cổ phần		490.440.000.000	402.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		490.440.000.000	402.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		190.712.077.202	70.527.327.202
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		257.605.758.880	216.411.582.524
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		101.395.857.770	35.915.705.934
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		156.209.901.110	180.495.876.590
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.520.838.873.314</b>	<b>1.495.244.008.492</b>

Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	21.1	3.730.091.248.631	3.813.709.652.190
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(20.500.116.854)	(7.049.512.546)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	3.709.591.131.777	3.806.660.139.644
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(3.284.871.133.485)	(3.411.980.036.822)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		424.719.998.292	394.680.102.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	18.187.726.471	11.164.452.917
22	7. Chi phí tài chính	23	(21.407.362.676)	(34.207.322.707)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.715.838.481)	(23.168.961.229)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(118.076.216.666)	(101.363.997.617)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(69.135.355.017)	(76.601.923.733)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		234.288.790.404	193.671.311.682
31	11. Thu nhập khác		2.272.404.455	427.966.194
32	12. Chi phí khác		(573.199.444)	(72.558.828)
40	13. Lợi nhuận khác		1.699.205.011	355.407.366
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		235.987.995.415	194.026.719.048
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(6.703.636.324)	(15.516.090.979)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	491.542.019	1.985.248.521
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		229.775.901.110	180.495.876.590
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	5.468	3.680
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	5.468	3.680

CP  
M  
A  
SỐC

Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

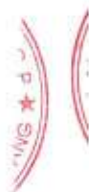
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>235.987.995.415</b>	<b>194.026.719.048</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình ("TSCĐ")	10, 11	67.260.091.400	61.517.945.912
03	Các khoản dự phòng		1.995.366.346	18.087.172.017
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		37.445.715	(804.221.527)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.973.428.076)	(5.738.087.423)
06	Chi phí lãi vay	23	16.715.838.481	23.168.961.229
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>316.023.309.281</b>	<b>290.258.489.256</b>
09	Giảm các khoản phải thu		51.774.683.105	106.106.009.021
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		259.588.760.931	(93.165.864.987)
11	Tăng các khoản phải trả		15.622.484.214	93.855.132.864
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(29.072.333.548)	9.916.177.232
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.924.002.503)	(23.340.191.386)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.516.090.979)	(1.248.515.252)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.795.868.912)	(18.009.133.474)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>556.700.941.589</b>	<b>364.372.103.274</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(154.600.019.022)	(77.020.107.018)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		2.333.018.182	359.090.909
25	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(3.516.255.000)	(5.100.000.000)
27	Tiền thu lãi ngân hàng		4.599.315.439	5.683.553.610
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(151.183.940.401)</b>	<b>(76.077.462.499)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	20.1	208.624.750.000	11.970.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.785.159.076.258	3.080.550.595.920
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(3.102.112.916.008)	(3.461.979.666.820)
36	Cổ tức đã trả		(80.400.000.000)	(58.500.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(188.729.089.750)</b>	<b>(427.959.070.900)</b>




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		216.787.911.438	(139.664.430.125)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.594.499.011	165.795.287.586
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		724.162.927	463.641.550
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	244.106.573.376	26.594.499.011

  
Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

  
Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam và 6 chi nhánh tại Thành phố Sóc Trăng, Huyện Châu Thành và Huyện Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 3.700 (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.188).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012 và ngày 20 tháng 7 năm 2016 trong thời hạn 48 – 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

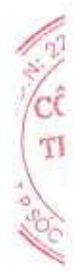
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

► *Quý khen thưởng phúc lợi*

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm tỷ trọng khoảng 96% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	246.825.739	750.834.120
Tiền gửi ngân hàng	16.692.922.637	5.449.664.891
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>227.166.825.000</u>	<u>20.394.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>244.106.573.376</u></b>	<b><u>26.594.499.011</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ một (1) tháng đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm đến 5,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số tiền này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ chín (9) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Amanda Seafood Private Limited	126.512.273.333	213.967.148.405
Khác	<u>120.788.918.088</u>	<u>86.550.136.193</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>247.301.191.421</u></b>	<b><u>300.517.284.598</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	<u>(17.786.389.267)</u>	<u>(17.786.389.267)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>229.514.802.154</u></b>	<b><u>282.730.895.331</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Lâm Nghiệp & Xây Dựng Việt Úc	2.645.285.250	-
Công ty TNHH Anh Phát	1.623.942.210	2.615.700.000
Trần Hữu Mai	1.299.390.000	1.299.390.000
Khác	<u>5.959.746.207</u>	<u>3.587.825.960</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.528.363.667</u></b>	<b><u>7.502.915.960</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	<u>(1.299.390.000)</u>	<u>(1.299.390.000)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>10.228.973.667</u></b>	<b><u>6.203.525.960</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng		
Khu Công nghiệp Cái Cồn	13.088.000.000	13.088.000.000
Trích trước lãi tiền gửi	1.724.196.194	93.772.548
Tạm ứng cho nhân viên	719.090.465	407.399.973
Khác	141.275.000	1.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.672.561.659</b>	<b>13.590.172.521</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(13.088.000.000)	(13.088.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.584.561.659</b>	<b>502.172.521</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	447.313.647.193	755.139.968.812
Công cụ, dụng cụ và bao bì	39.837.540.159	37.782.012.940
Nguyên vật liệu	32.909.358.187	30.638.436.396
Hàng gửi đi bán	29.731.069.159	11.234.790.553
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.638.641.639	-
Hàng mua đang đi trên đường	280.049.033	2.503.857.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>577.710.305.370</b>	<b>837.299.066.301</b>

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	187.436.368.688	436.175.516.687	43.521.030.373	11.013.934.613	7.530.538.945	685.677.389.306
Mua mới	-	36.957.545.876	8.064.656.578	1.599.123.126	-	46.621.325.580
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	14.356.010.597	-	-	-	-	14.356.010.597
Thanh lý	-	(7.195.141.544)	(677.102.809)	-	(35.000.000)	(7.907.244.353)
<b>Số cuối năm</b>	<b>201.792.379.285</b>	<b>465.937.921.019</b>	<b>50.908.584.142</b>	<b>12.613.057.739</b>	<b>7.495.538.945</b>	<b>738.747.481.130</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>62.195.444.622</i>	<i>172.673.297.018</i>	<i>8.663.489.994</i>	<i>4.747.364.008</i>	<i>6.560.745.945</i>	<i>254.840.341.587</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	109.325.745.890	272.648.964.316	17.033.819.515	6.210.588.937	6.657.714.667	411.876.833.325
Khấu hao trong năm	15.300.998.016	44.834.232.240	5.010.389.999	1.452.465.049	522.253.246	67.120.338.550
Thanh lý	-	(4.605.812.353)	(677.102.809)	-	(35.000.000)	(5.317.915.162)
<b>Số cuối năm</b>	<b>124.626.743.906</b>	<b>312.877.384.203</b>	<b>21.367.106.705</b>	<b>7.663.053.986</b>	<b>7.144.967.913</b>	<b>473.679.256.713</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	78.110.622.798	163.526.552.371	26.487.210.858	4.803.345.676	872.824.278	273.800.555.981
Số cuối năm	77.165.635.379	153.060.536.816	29.541.477.437	4.950.003.753	350.571.032	265.068.224.417
<i>Trong đó:</i>						
<i>Giá trị tài sản thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	<i>77.165.635.379</i>	<i>153.060.536.816</i>	<i>29.541.477.437</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>259.767.649.632</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	<u>2.551.564.900</u>	<u>485.595.610</u>	<u>199.501.200</u>	<u>3.236.661.710</u>
Trong đó: Đã khấu trừ hết	-	264.615.610	199.501.200	464.116.810
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	461.328.478	351.316.587	199.501.200	1.012.146.265
Hao mòn trong năm	<u>58.351.632</u>	<u>81.401.218</u>	-	<u>139.752.850</u>
Số cuối năm	<u>519.680.110</u>	<u>432.717.805</u>	<u>199.501.200</u>	<u>1.151.899.115</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>2.090.236.422</u>	<u>134.279.023</u>	-	<u>2.224.515.445</u>
Số cuối năm	<u>2.031.884.790</u>	<u>52.877.805</u>	-	<u>2.084.762.595</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	55.337.226.196	8.881.102.764
Dự án kho lạnh	37.561.954.000	310.553.103
Máy móc đang chờ lắp đặt	12.274.930.205	3.448.174.238
Khác	33.287.517	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>105.207.397.918</b></u>	<u><b>12.639.830.105</b></u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.058.209.760</b>	<b>4.264.233.131</b>
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	6.058.209.760	4.264.233.131
<b>Dài hạn</b>	<b>44.192.417.919</b>	<b>16.914.061.000</b>
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	23.985.084.027	11.917.424.939
Quyền sử dụng đất	16.545.275.664	4.059.964.832
Khác	<u>3.662.058.228</u>	<u>936.671.229</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>50.250.627.679</b></u>	<u><b>21.178.294.131</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kyokuyo Company Limited	9.916.463.837	12.696.326.700
Công ty TNHH Bao Bi XK & TM Vạn Thành	4.678.867.699	4.013.861.610
Khác	25.255.674.649	66.481.034.929
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.851.006.185</b>	<b>83.191.223.239</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số đã hoàn trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	24.973.744.160	59.488.756.742	(65.099.464.392)	19.363.036.510
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.516.090.979	6.703.636.324	(15.516.090.979)	6.703.636.324
Thuế thu nhập cá nhân	4.586.743.198	8.977.882.473	(7.201.581.496)	6.363.044.175
Thuế tài nguyên môi trường	-	141.106.000	(141.106.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.102.834.177</b>	<b>15.822.624.797</b>	<b>(22.858.778.475)</b>	<b>13.066.680.499</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuế chống bán phá giá	11.374.025.821	-
Chi phí vận chuyển và cước tàu	704.896.667	1.554.189.458
Chi phí hoa hồng	240.715.200	1.895.568.926
Khác	4.478.180.311	8.633.808.835
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.797.817.999</b>	<b>12.083.567.219</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.695.956.842</b>	<b>5.090.073.842</b>
Cổ tức phải trả	73.566.000.000	-
Kinh phí công đoàn	5.026.631.242	5.026.631.242
Khác	103.325.600	63.442.600
<b>Dài hạn</b>	<b>635.000.000</b>	<b>635.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	635.000.000	635.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.330.956.842</b>	<b>5.725.073.842</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>35.279.085.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>44.051.871.842</i>	<i>5.725.073.842</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		Tăng	Giảm	Đánh giá lại	
Vay ngân hàng (*)	593.284.459.500	2.785.159.076.258	(3.102.112.916.008)	429.044.950	276.759.664.700

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	130.805.574.700	5.630.890	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020	3,2%	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	115.151.110.000	4.957.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2020 đến ngày 13 tháng 4 năm 2020	3,2%	Nhà cửa và máy móc thiết bị tại nhà máy Tin An (Thuyết minh số 10) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) Ao nuôi tôm Xuân Phú (Thuyết minh số 13) Kho lạnh 4,000 tấn tại nhà máy An Sơn (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	30.802.980.000	1.326.000	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020	3,2%	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>276.759.664.700</b>	<b>11.913.890</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số tiền này thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	390.000.000.000	70.557.327.202	112.304.290.676	572.861.617.878
Phát hành cổ phiếu mới	12.000.000.000	(30.000.000)	-	11.970.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	180.495.876.590	180.495.876.590
Cổ tức công bố	-	-	(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.888.584.742)	(17.888.584.742)
<b>Số cuối năm</b>	<b>402.000.000.000</b>	<b>70.527.327.202</b>	<b>216.411.582.524</b>	<b>688.938.909.726</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	402.000.000.000	70.527.327.202	216.411.582.524	688.938.909.726
Phát hành cổ phiếu mới (*)	88.440.000.000	120.184.750.000	-	208.624.750.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	229.775.901.110	229.775.901.110
Cổ tức công bố (**)	-	-	(153.966.000.000)	(153.966.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(34.615.724.754)	(34.615.724.754)
<b>Số cuối năm</b>	<b>490.440.000.000</b>	<b>190.712.077.202</b>	<b>257.605.758.880</b>	<b>938.757.836.082</b>

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 5 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành:

- 840.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho nhân viên vào ngày 29 tháng 8 năm 2019; và
- 8.004.000 cổ phiếu với giá phát hành là 25.000 VND/ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 22 tháng 10 năm 2019.

Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 402.000.000.000 VND lên 490.440.000.000 VND theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 22 số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 6 tháng 11 năm 2019.

(\*\*) Công ty đã chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 5 tháng 4 năm 2019 ("NQĐHĐCĐ"). Ngoài ra, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 12 năm 2019, phù hợp với NQĐHĐCĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	402.000.000.000	390.000.000.000
Phát hành cổ phiếu mới	88.440.000.000	12.000.000.000
Số cuối năm	<u>490.440.000.000</u>	<u>402.000.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	153.966.000.000	58.500.000.000
Cổ tức đã trả	80.400.000.000	58.500.000.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	49.044.000	40.200.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.044.000	40.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.044.000	40.200.000

**20.4 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	229.775.901.110	180.495.876.590
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(34.615.724.754)
<b>Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)</b>	<b>229.775.901.110</b>	<b>145.880.151.836</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân ( <i>cổ phiếu</i> )	42.022.685	39.637.808
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ <i>cổ phiếu</i> )	5.468	3.680
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ <i>cổ phiếu</i> )	5.468	3.680

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2019 ngày 5 tháng 4 năm 2019 ("NQĐHĐCĐ 2019").

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty chưa có quyết định phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019. Do đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.730.091.248.631</b>	<b>3.813.709.652.190</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>3.577.371.309.705</i>	<i>3.690.229.705.851</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>152.719.938.926</i>	<i>123.479.946.339</i>
<b>Trừ:</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(20.500.116.854)</i>	<i>(7.049.512.546)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(19.754.442.394)</i>	<i>(6.226.393.860)</i>
	<i>(745.674.460)</i>	<i>(823.118.686)</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>3.709.591.131.777</u></b>	<b><u>3.806.660.139.644</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>3.556.871.192.851</i>	<i>3.683.180.193.305</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>152.719.938.926</i>	<i>123.479.946.339</i>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.957.987.386	5.659.766.342
Lãi tiền gửi	6.229.739.085	5.504.686.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.187.726.471</u></b>	<b><u>11.164.452.917</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng thủy sản	3.183.691.957.109	3.329.647.095.809
Giá vốn hàng nông sản	101.179.176.376	82.332.941.013
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.284.871.133.485</u></b>	<b><u>3.411.980.036.822</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.715.838.481	23.168.961.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.691.524.195	11.038.361.478
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.407.362.676</u></b>	<b><u>34.207.322.707</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và nhiên liệu	50.550.308.029	46.523.769.130
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	20.597.492.405	10.186.736.181
Chi phí hoa hồng	8.533.358.231	10.232.084.055
Chi phí nhân viên	3.951.412.182	3.319.506.651
Chi phí xuất hàng	2.156.102.065	2.199.832.503
Khác	32.287.543.754	28.902.069.097
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.076.216.666</b>	<b>101.363.997.617</b>

(\*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ, được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ. Vào ngày của báo cáo này, thuế suất chống bán phá giá sau cùng giá áp dụng cho Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được xác định. Số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	39.684.683.480	35.045.055.934
Thuế và phí	6.374.709.239	5.380.939.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.700.326.886	4.156.193.852
Chi phí khấu hao và hao mòn	816.312.748	1.218.655.720
Khác	17.559.322.664	30.801.079.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.135.355.017</b>	<b>76.601.923.733</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.878.479.475.329	3.285.074.781.364
Chi phí nhân viên	430.276.543.639	430.785.189.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.653.741.959	114.885.736.913
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	67.260.091.400	61.517.945.912
Khác	162.042.215.282	177.241.172.977
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.645.712.067.609</b>	<b>4.069.504.826.674</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN ("Thông tư 96") và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	6.703.636.324	15.516.090.979
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(491.542.019)</u>	<u>(1.985.248.521)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.212.094.305</u></b>	<b><u>13.530.842.458</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>235.987.995.415</u></b>	<b><u>194.026.719.048</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	47.197.599.083	38.805.343.810
Chi phí không được trừ	272.975.037	71.741.375
Thuế TNDN được miễn, giảm	<u>(41.258.479.815)</u>	<u>(25.346.242.727)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>6.212.094.305</u></b>	<b><u>13.530.842.458</u></b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá	1.137.402.582	-	1.137.402.582	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	959.674.750	702.060.475	257.614.275	70.078.275
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	889.319.464	1.778.638.927	(889.319.463)	1.778.638.927
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	82.831.173	96.986.548	(14.155.375)	136.531.319
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.069.227.969</b>	<b>2.577.685.950</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>491.542.019</b>	<b>1.985.248.521</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	61.448.555.000	19.992.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức Bán thành phẩm Bán máy móc	28.311.500.000 5.041.976.250 -	11.758.500.000 1.422.841.410 220.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	8.943.990.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	26.335.095.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	8.943.990.000	-
			<b>35.279.085.000</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	<u>15.337.805.000</u>	<u>14.270.078.000</u>

**29. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	45.857.760	45.857.760
Trên 1 – 5 năm	183.431.040	183.431.040
Trên 5 năm	<u>23.277.351.325</u>	<u>23.323.209.085</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.506.640.125</u></b>	<b><u>23.552.497.885</u></b>

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Công ty có ký kết các hợp đồng thi công các công trình ở dự án kho lạnh, máy móc, dự án nuôi tôm và các dự án khác. Nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án kho lạnh	13.637.651.436	-
Máy móc	4.738.549.000	5.882.669.820
Dự án nuôi tôm	759.990.400	-
Dự án khác	<u>1.343.349.091</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.479.539.927</u></b>	<b><u>5.882.669.820</u></b>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	626.891,82	167.716,64
Yên Nhật (JPY)	682.960	35.214
Euro (EUR)	188,98	199,9
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	580.776.404	400.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

  
Tô Minh Hằng  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

28753  
TY  
PH  
OT  
NG - T

About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit [ey.com](http://ey.com).

© 2019 Ernst & Young Vietnam Limited  
All Rights Reserved.

[ey.com](http://ey.com)

